CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Ngày 30/09/2024	11,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**2.6%**	**-0.8%**

DT thuần
Q3/24
43.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.10| 19.4%
YoY: ▼5.80| -11.6%

LN thuần
Q3/24
7.96
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.73| 257%
YoY: ▲ 4.65| 140%

LN sau thuế
Q3/24
5.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 122%
YoY: ▲ 2.48| 83.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
15.2%
YoY: +/-▲ 4.4%

ROE (TTM)
Q3/24
6.0%
YoY: +/-▲ 0.7%

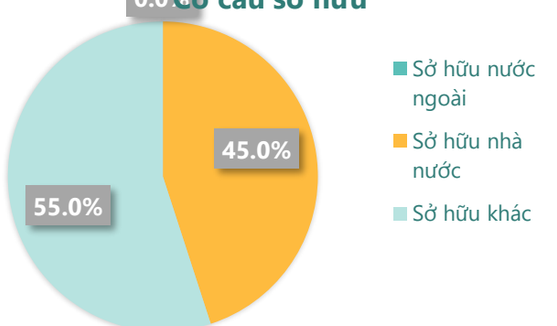
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,300 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	425
Số lượng CPLH (CP)	36,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,200
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.12)
EPS	575
P/E	20.5

DT thuần
9T 2024
118
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.0| -10.0%

LN thuần
9T 2024
10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.2| 322%

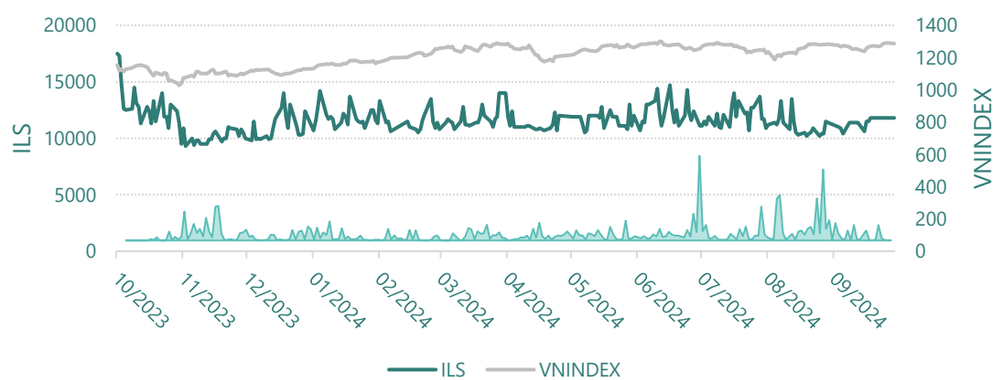
LN sau thuế
9T 2024
7.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.4| 246%

Cơ cấu sở hữu

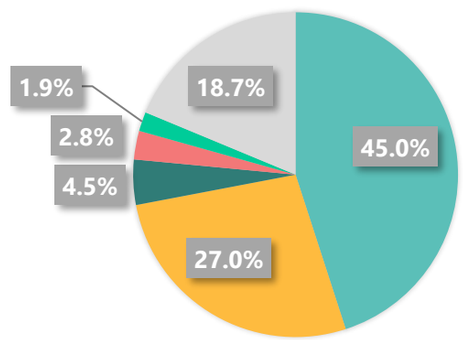


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

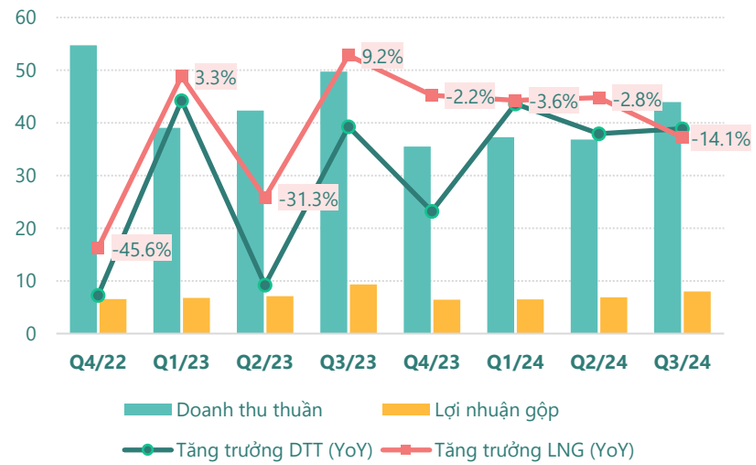


- UBND Thành phố Hà Nội
- CTCP Logistics Hàng không
- Phùng Tiến Toàn (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Phố Wall
- Nguyễn Minh Hảo (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

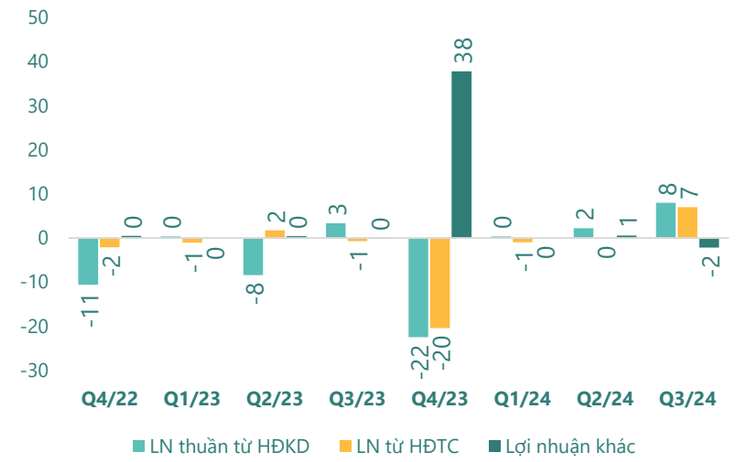
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



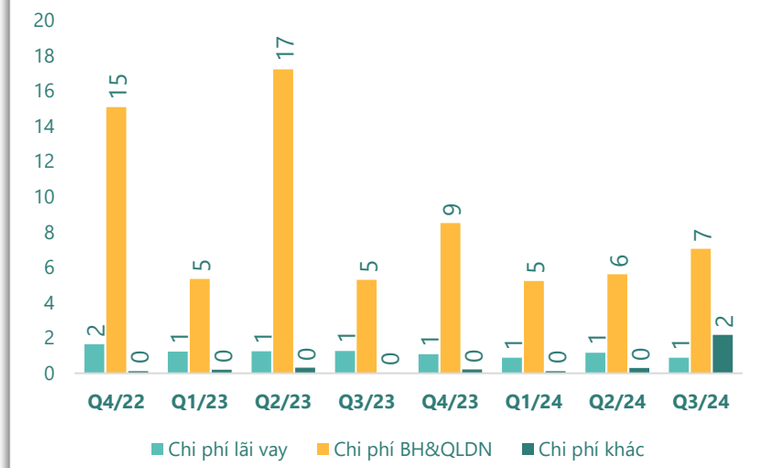
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



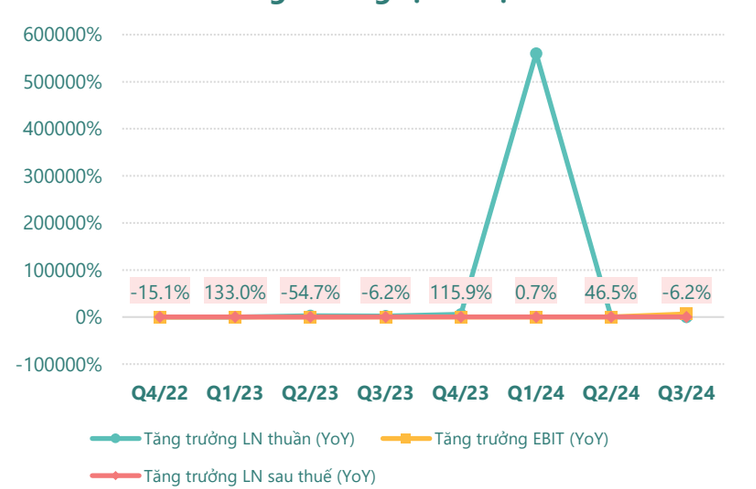
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



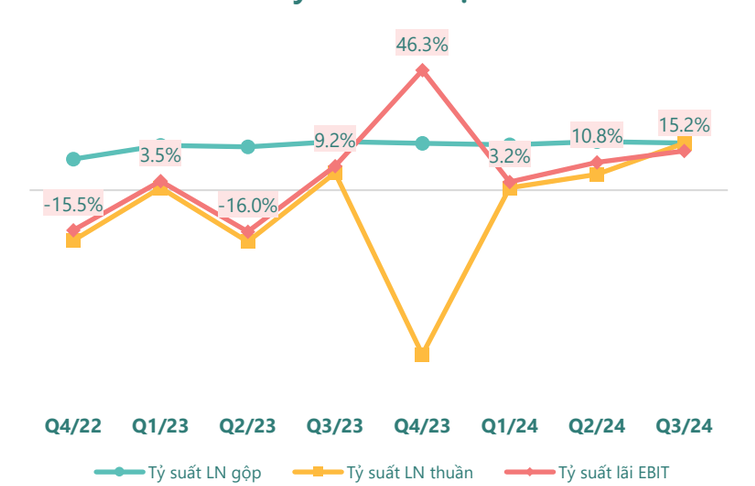
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



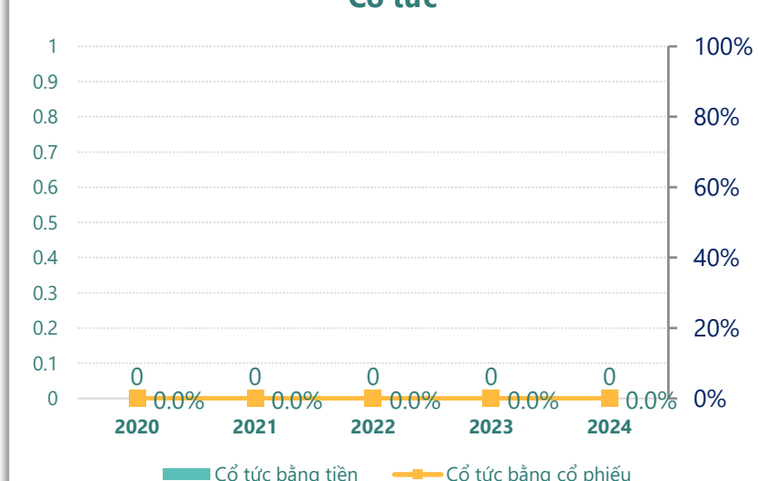
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

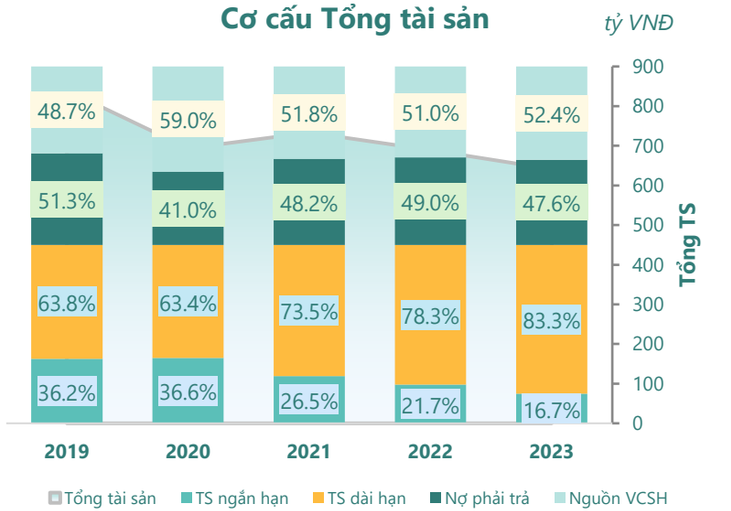
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

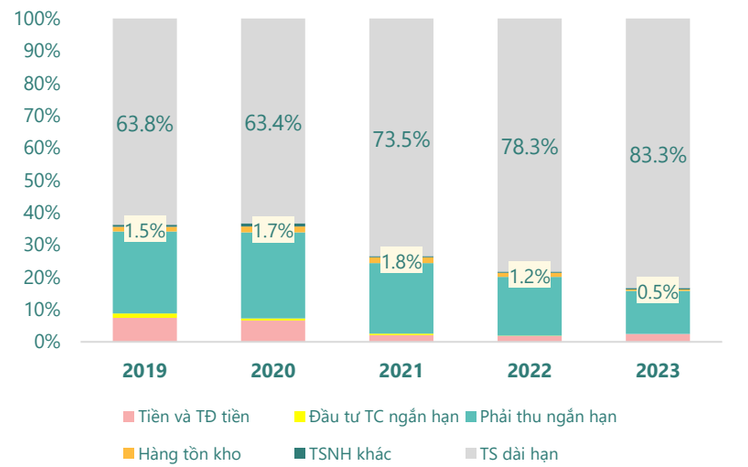
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



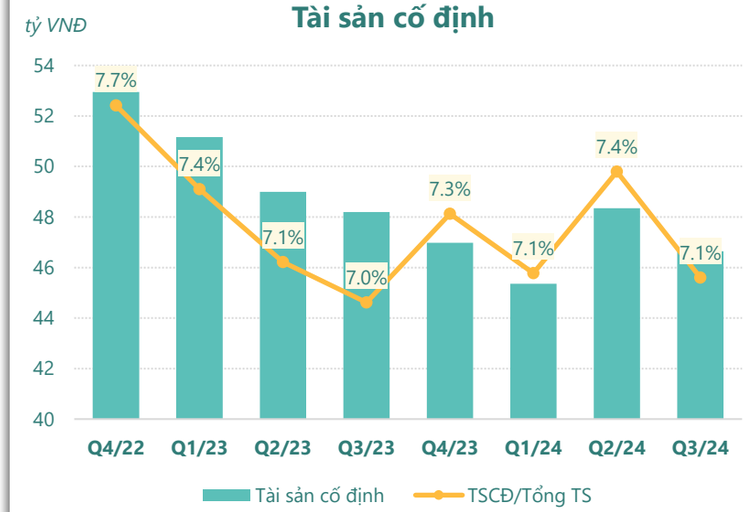
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



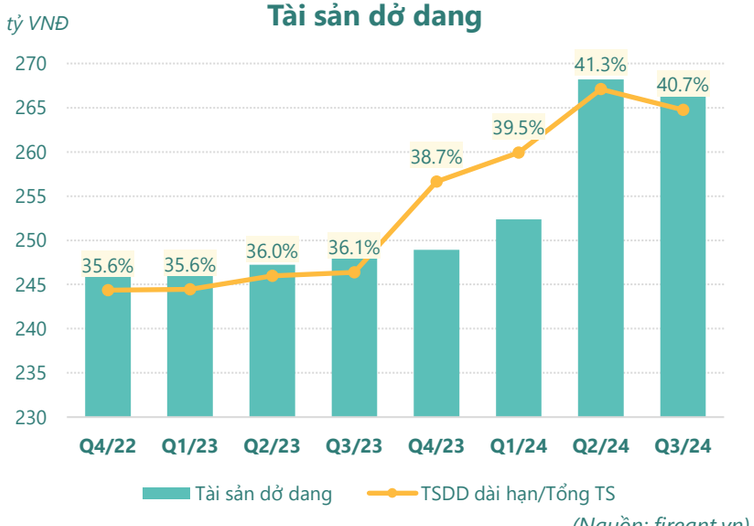
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



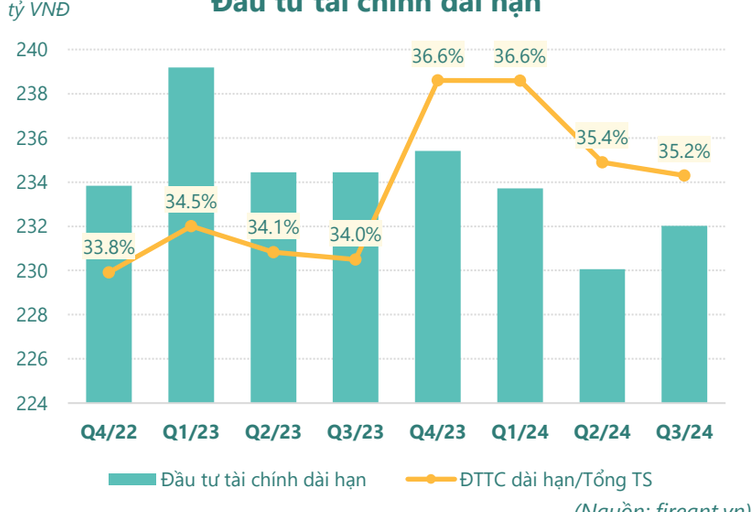
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



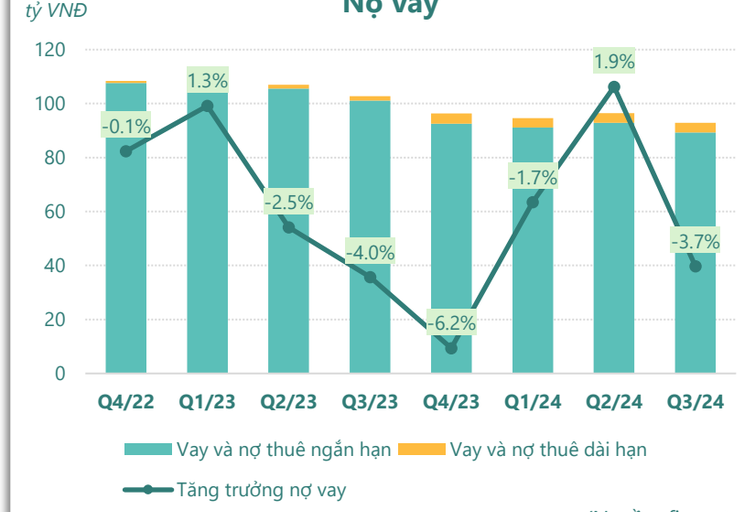
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

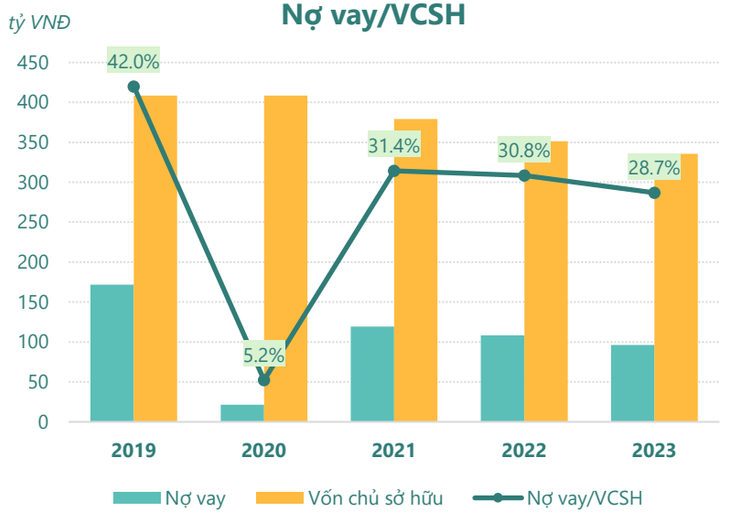
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

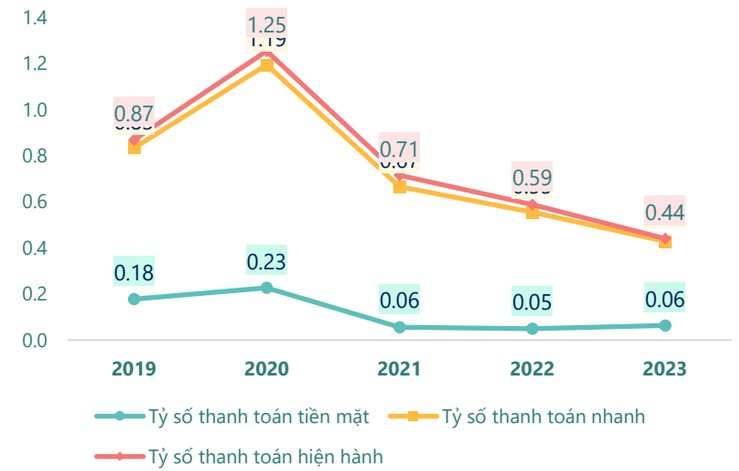
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



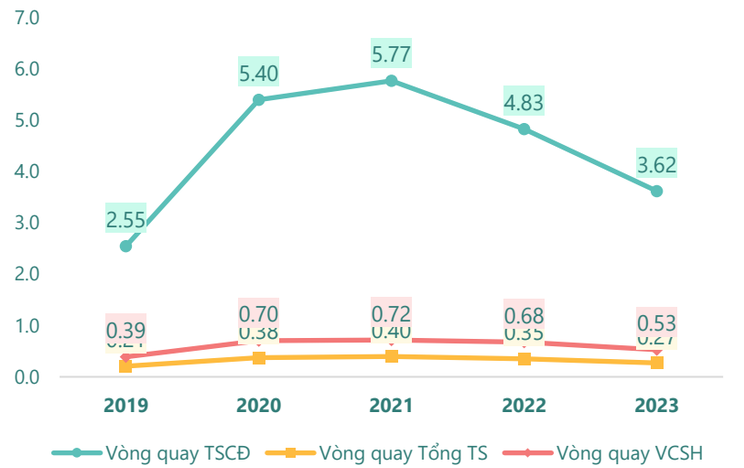
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



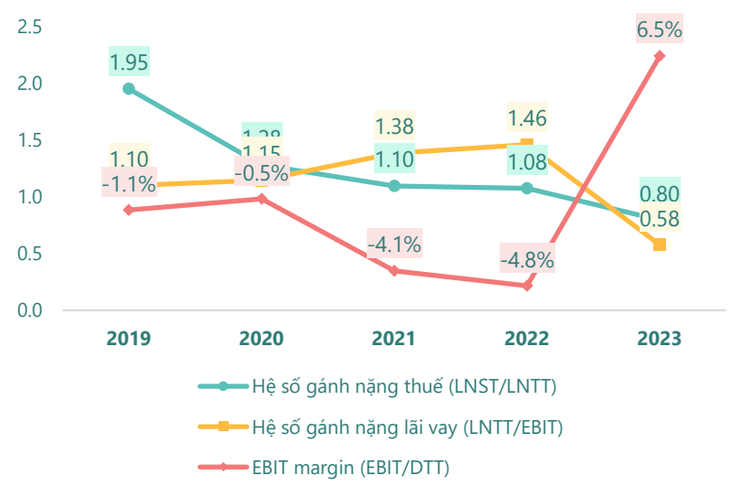
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



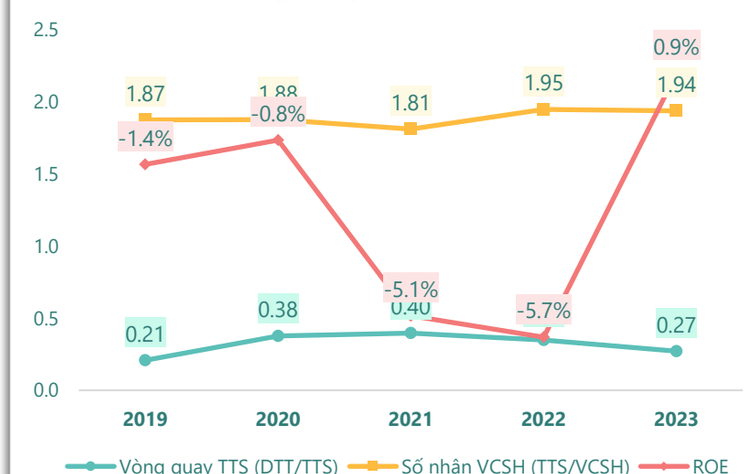
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



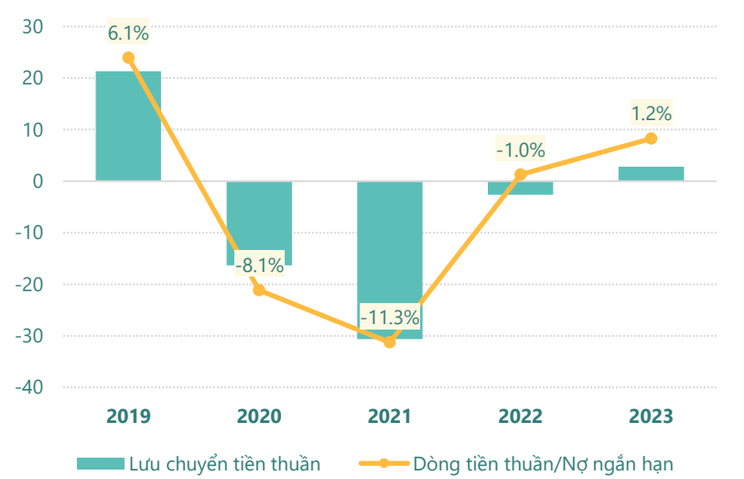
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**43.9**	**49.7**	**-11.6%**	**118**	**131**	**-10.0%**
Giá vốn hàng bán	36.0	40.4	-11.0%	96.6	108	-10.5%
Lợi nhuận gộp	7.99	9.31	-14.2%	21.4	23.2	-7.6%
Doanh thu HĐTC	9.71	0.59	1546%	11.0	3.80	189%
Chi phí TC	2.69	1.27	112%	4.93	3.83	28.9%
Chi phí lãi vay	0.88	1.27	-30.6%	2.93	3.75	-21.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.95**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.47	-100%	0	1.59	-100%
Chi phí QLDN	**7.05**	**4.83**	**46.1%**	**17.9**	**26.3**	**-32.0%**
LN thuần từ HĐKD	7.96	3.31	140%	10.5	-4.74	322%
Lợi nhuận khác	**-2.17**	**0.01**	**-21772%**	**-1.65**	**0.20**	**-925%**
LN trước thuế	5.79	3.33	73.9%	8.89	-4.54	296%
Lợi nhuận sau thuế	**5.46**	**2.98**	**83.3%**	**7.94**	**-5.43**	**246%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.05**	**2.19**	**130%**	**6.37**	**-7.20**	**189%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.2	6.18	-9.77	6.03	10.5	0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.81	-12.3	6.70	-1.42	-17.7	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.83	7.90	-7.15	-0.09	-1.30	2.03
Tiền đầu kỳ	7.81	24.0	26.5	15.4	20.0	11.5
Lưu chuyển tiền thuần	**16.2**	**1.80**	**-10.2**	**4.52**	**-8.42**	**15.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	-0.15	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	24.0	26.5	15.4	20.0	11.5	27.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**659**	**641**	**2.8%**
Tài sản ngắn hạn	106	107	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	27.5	15.4	78.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	73.8	85.8	-14.0%
Hàng tồn kho	2.87	2.92	-1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.12	2.70	-21.2%
Tài sản dài hạn	**553**	**534**	**3.4%**
Phải thu dài hạn	2.31	2.31	0.0%
Tài sản cố định	46.6	47.0	-0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	268	249	7.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	232	233	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**3.53**	**3.15**	**12.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	318	305	4.1%
Nợ ngắn hạn	**247**	**242**	**1.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.3	92.8	-3.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	9.95	27.8%
Nợ dài hạn	70.9	63.0	12.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.54	3.54	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**341**	**336**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**341**	**336**	**1.6%**
Vốn điều lệ	360	360	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)